

Bản án số: 169/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhon
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1681/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 601/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 601/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô A; cư trú tại: 412B/44/21 Đường M, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn B; cư trú tại: 412B/44/21 Đường M, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2017, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà Ngô A trình bày: Bà và ông Nguyễn B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 268/QH, quyển số 01 ngày 15/8/1990. Vợ chồng chung sống được một thời gian đến năm 20N thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nguyễn B không có trách nhiệm gia đình, không lo làm ăn, nuôi dạy con cái, thường hay nhậu nhẹt, kiêu căng ghen tuông, sỉ nhục bà, đôi lúc còn đánh bà làm không khí gia đình lúc nào cũng ngột ngạt nặng nề. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không có kết quả khiến cho tinh thần của bà mệt mỏi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không có, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn B.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn B có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 27/4/1984 (đã trưởng thành) và Nguyễn T sinh ngày 29/9/1985 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có.

Toà án nhân dân quận T đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Nguyễn B đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 268/QH, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/8/1990 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô A và ông Nguyễn B là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng bà Tại, ông Cuộc chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, ông Cuộc không có trách nhiệm với gia đình. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn B đã không đến Tòa án làm việc, qua đó cho thấy ông không quan tâm đến

quan hệ hôn nhân, không có hành động tích cực nếu muốn hàn gắn gia đình. Thực tế ông Cuộc và bà Tại sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ của Ủy ban nhân dân Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện Ủy ban nhân dân Phường N không có giải quyết mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn B đã không đến Tòa án làm việc, qua đó cho thấy ông không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có hành động tích cực để hàn gắn gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Ngô A và ông Nguyễn B có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 27/4/1984 và Nguyễn T sinh ngày 29/9/1985. Cả 02 con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

[4]. Về án phí: Án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Ngô A được ly hôn với ông Nguyễn B.

2. Về con chung: Bà Ngô A và ông Nguyễn B có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 27/4/1984 và Nguyễn T sinh ngày 29/9/1985. Cả 02 con đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Ngô A phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0002725 ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.T ;
- Chi cục THADS Q.T;
- UBND Q.T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hiền Long